

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/DS-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

2. Bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐHPT-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QTVN (VIB); địa chỉ: Số 111 Pt, phường BN, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Lê Anh P, sinh năm 1987; Vắng mặt.

2. Ông Trần Minh H, sinh năm 1986; Có mặt.

3. Ông Hà Xuân D, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6, toà nhà Pax Sky, số 26 UVK, Phường Y, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2024.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990;
2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố 4, phường Tân Định, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/4/2022, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN là ông Trần Minh H trình bày:

Ngày 08/10/2019, Ngân hàng TMCP QTVN – Chi nhánh VIB phòng giao dịch Bàu Cát và ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có ký Hợp đồng tín dụng số 7932406.19, với nội dung: Ngân hàng TMCP QTVN – Chi nhánh VIB phòng giao dịch Bàu Cát cho ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K vay số tiền 730.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày 10/10/2019 đến ngày 09/10/2026; mục đích vay vốn: Mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 61C-416.33, mục đích sử dụng: Mua xe ô tô.

Lãi suất tại thời hạn giải ngân là 9.9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm. Khách hàng hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 10 tây hàng tháng, mỗi tháng trả gốc số tiền là 8.690.000 đồng, tháng cuối trả gốc 8.730.000 đồng, kỳ trả gốc và lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2019. Trả phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 09/10/2019, VIB đã giải ngân cho khách hàng số tiền 730.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7932406(1).19 đúng với yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng hai bên đã ký.

Ngày 08/12/2020, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K với tổng hạn mức tín dụng là 73.000.000 đồng, loại thẻ VIB online Plus (Gold) và VIB Financial Free, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K đã thanh toán vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ và lãi phát sinh. Tính đến ngày 04/7/2024, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K đã thanh toán cho VIB số tiền là 350.158.983 đồng, trong đó, tiền gốc: 208.560.000 đồng, tiền lãi: 141.598.983 đồng.

Phía VIB đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K thanh toán nhưng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, VIB khởi kiện, đề nghị Tòa án

nhân dân thành phố Bến Cát buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K thanh toán số tiền 1.030.506.973 đồng, trong đó:

1/ Hợp đồng tín dụng số 7932406.19

- Nợ gốc: 521.440.000 đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 53.286.288 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 258.106.039 đồng.

Tổng cộng: 832.832.327 đồng.

2/ Thẻ 5128240001679883:

- Nợ gốc: 47.455.570 đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 21.059.180 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 59.193.512 đồng.

Tổng cộng: 127.708.262 đồng.

3/ Thẻ 5268873000365557:

- Nợ gốc: 21.748.532 đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 10.074.336 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 38.143.516 đồng.

Tổng cộng 69.966.384 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi trong hạn và quá hạn sau ngày 12/8/2024 cho đến khi ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi đăng ký thường trú. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường Tân Định, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát và đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt là chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng với hình thức cho vay và việc cho vay phải lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có ký Hợp đồng tín dụng số 7932406.19 ngày 08/10/2019 và đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kim hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 08/12/2020. Do vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có địa chỉ tại khu phố 2, phường Tân Định, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát và đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K.

[4] Về chứng cứ:

Nguyên đơn đồng ý sử dụng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập theo Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 05/7/2024 và Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không có yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng; bị đơn không đến tham gia phiên tòa, không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[5] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định cho ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K nhưng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do.

Theo hồ sơ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN cung cấp thể hiện:

Giữa Ngân hàng TMCP QTVN – Chi nhánh VIB Phòng giao dịch Bàu Cát và ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có ký Hợp đồng tín dụng số 7932406.19 ngày 08/10/2019. Ngày 08/12/2020, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K.

Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng là do các bên tự nguyện giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP QTVN khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K thanh toán toàn bộ khoản vay tại hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN 1.030.506.973 đồng, trong đó:

1/ Hợp đồng tín dụng số 7932406.19

- Nợ gốc: 521.440.000 đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 53.286.288 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 258.106.039 đồng.

Tổng cộng: 832.832.327 đồng.

2/ Đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thẻ 5128240001679883:

- Nợ gốc: 47.455.570 đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 21.059.180 đồng;
 - Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 59.193.512 đồng.
- Tổng cộng: 127.708.262 đồng.

3/ Thẻ Đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thẻ 5268873000365557:

- Nợ gốc: 21.748.532 đồng;
 - Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 10.074.336 đồng;
 - Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 38.143.516 đồng.
- Tổng cộng 69.966.384 đồng.

Kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7932406.19 ngày 08/10/2019 và đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 08/12/2020.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP QTVN không phải chịu.

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN

[7] Về chi phí đăng báo: 13.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K phải chịu chi phí đăng báo và có trách nhiệm phải trả lại cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 13.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN với bị đơn ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 1.030.506.973 (một tỷ không trăm ba mươi triệu năm trăm lẻ sáu ngàn chín trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó:

1/ Hợp đồng tín dụng số 7932406.19

- Nợ gốc: 521.440.000 (năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 53.286.288 (năm mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi tám) đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 258.106.039 (hai trăm năm mươi tám triệu một trăm lẻ sáu ngàn không trăm ba mươi chín) đồng.

Tổng cộng: 832.832.327 (tám trăm ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi hai ngàn ba trăm hai mươi bảy) đồng.

2/ Đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thẻ 5128240001679883:

- Nợ gốc: 47.455.570 (bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi) đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 21.059.180 (hai mươi một triệu không trăm năm mươi chín ngàn một trăm tám mươi) đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 59.193.512 (năm mươi chín triệu một trăm chín mươi ba ngàn năm trăm mười hai) đồng.

Tổng cộng: 127.708.262 (một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn hai trăm sáu mươi hai) đồng.

3/ Thẻ Đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thẻ 5268873000365557:

- Nợ gốc: 21.748.532 (hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm ba hai) đồng;

- Nợ lãi tính đến ngày 12/8/2024: 10.074.336 (mười triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi sáu) đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/8/2024: 38.143.516 (ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm mười sáu) đồng.

Tổng cộng 69.966.384 (sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7932406.19 ngày 08/10/2019 và đơn đề nghị phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế kim hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 08/12/2020.

3. Về chi phí đăng báo: Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K phải chịu chi phí đăng báo và có trách nhiệm phải trả lại cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 13.000.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP QTVN không phải chịu. Hoàn trả Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 15.007.115 (mười lăm triệu không trăm lẻ bảy ngàn một trăm mười lăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001319 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

Ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 42.915.209 (bốn mươi hai triệu chín trăm mười lăm ngàn hai trăm lẻ chín) đồng án phí sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích